

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới, mã số chuyên ngành: 9229010.03

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia

Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Lịch sử và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ

MÃ SỐ : 9229010.03

CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ THẾ GIỚI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2884/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Lịch sử Thế giới

+ Tên tiếng Anh: World History

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: History

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229010.03

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in History

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới trình độ cao về lý thuyết và thực hành, chuyên sâu về lịch sử thế giới và quan hệ quốc tế, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Thế giới nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất

lượng cao có kiến thức chuyên sâu về lịch sử thế giới và lịch sử quan hệ quốc tế; có kỹ năng vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức của ngành và chuyên ngành vào trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn; có tinh thần trách nhiệm cao, làm việc chuyên nghiệp, khoa học phù hợp với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá ứng viên dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐQHGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ công tác xã hội bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học

(hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử thế giới.

- Ngành phù hợp 2: Các ngành trong Nhóm ngành khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư- Lưu trữ, Bảo tàng, Khoa học Thông tin – thư viện.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

TT	Học phần	Số tín chỉ
1.	Đông Nam Á và quá trình hội nhập của Việt Nam	3
2.	Một số vấn đề lịch sử kinh tế - xã hội phương Đông – so sánh với phương Tây	2
3.	Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Đặc điểm và Xu hướng	2
4.	Hoạt động bang giao của Trung Quốc dưới thời nhà Minh (1368-1644) và nhà Thanh (1644-1911)	2
5	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với một số nước châu Á từ sau năm 1991	2
	Tổng cộng	11

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 2-3 NCS/ 1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học

hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Lịch sử thế giới.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

- Cấu trúc luận án đảm bảo tối thiểu gồm các phần sau: Mở đầu; Tổng quan tài liệu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Cơ sở lý thuyết; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu và các phân tích, lý giải; Kết luận; Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo; Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có); Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, không quá 300 trang (không kể phụ lục), trong đó có ít nhất 50 phần trăm số trang trình bày, phân tích và lý giải kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Hình thức và cấu trúc của luận án tuân thủ theo quy chế của Đại Quốc gia Hà Nội.

- Bản tóm tắt của luận án phản ánh trung thực cấu trúc và nội dung của toàn văn luận án, phải ghi đầy đủ phần kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3-5 trang bằng tiếng Việt và Tiếng Anh trình bày tóm tắt nội dung chính, kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học

chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO 1:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO 2:** Lý giải các vấn đề của lịch sử trên cơ sở áp dụng các phương pháp và lý thuyết nghiên cứu của khoa học lịch sử và các ngành khoa học liên quan.

- **PLO 3:** Đánh giá một cách khách quan về một số vấn đề nghiên cứu chuyên sâu của lịch sử thế giới.

- **PLO4:** Áp dụng một cách hệ thống các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu lịch sử và các phương pháp nghiên cứu liên ngành vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy về lịch sử thế giới, giải quyết các vấn đề học thuật liên quan đến lĩnh vực lịch sử thế giới.

- **PLO 5:** Xác định được những vấn đề then chốt của lịch sử thế giới: về đặc điểm kinh tế - xã hội ở các khu vực trên thế giới; các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại

trên bình diện thế giới, khu vực và quốc gia; các mối quan hệ khu vực, quốc tế và liên khu vực; các mối liên hệ lịch sử và quá trình hội nhập của Việt Nam với khu vực và quốc tế...

3.3. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ

- **PLO 6:** Xác định được các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Lịch sử thế giới; hệ thống hoá các khối kiến thức về toàn cầu hoá và hội nhập ở thế kỷ XXI, về mô hình phát triển của các nước Đông Bắc Á, về đặc điểm phát triển của các nước lớn nửa sau thế kỷ XX, về lý thuyết quan hệ quốc tế hiện đại, về ảnh hưởng của văn hoá và kinh tế phương Tây đối với châu Á thời kỳ cận đại, về đặc điểm địa chính trị thế kỷ XX, về tôn giáo và đời sống chính trị hiện đại, về quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

- **PLO 7:** Viết tiểu luận tổng quan, các chuyên đề nghiên cứu và luận án tiến sĩ, cũng như trong hoạt động nghiên cứu khoa học khác và hoạt động thực tiễn.

- **POL 8:** Đề xuất, thiết kế các dự án nghiên cứu và trình bày các kết quả nghiên cứu một cách rõ ràng, thuyết phục và chuyên nghiệp nhất có thể.

- **POL 9:** Đánh giá, phản biện và tư vấn về những vấn đề lý luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu chuyên đề.

4. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

- **PLO 10:** Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp của ngành lịch sử và chuyên ngành lịch sử thế giới.

- **PLO 11:** Kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề khoa học phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- **PLO 12:** Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế về các vấn đề khoa học của chuyên ngành lịch sử thế giới và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

- **PLO 13:** Có khả năng thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai một cách độc lập và sáng tạo các đề tài, dự án nghiên cứu chuyên sâu và nghiên cứu ứng dụng liên quan đến các vấn đề lịch sử thế giới, vấn đề quan hệ quốc tế và quá trình hội nhập của Việt Nam. Trên cơ sở đó, có khả năng tư vấn, đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp cho công tác hoạch định và thực hiện chính sách.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 14:** Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng chia sẻ, trao đổi chuyên môn, tư vấn khoa học và chính sách dựa trên kiến thức mà mình là chuyên gia.

- **PLO 15:** Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong

các hoạt động chuyên môn.

- **PLO 16:** Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp đối với các hoạt động nghiên cứu, tư vấn và tham mưu tích cực, hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực lịch sử Thế giới.

- **PLO 17:** Có tinh thần trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác tích cực trong nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn chính sách.

6. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, tiến sĩ ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử thế giới có thể công tác trong các cơ quan và tổ chức như sau:

- Nghiên cứu và giảng dạy về lịch sử thế giới ở các trường đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu, bảo tàng, cơ quan quản lý và lưu trữ tài liệu,....
- Làm việc tại các cơ quan văn hoá ở trung ương và địa phương;
- Làm việc trong các cơ quan báo chí và truyền thông, làm biên tập trong các cơ quan xuất bản;
- Làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị có sử dụng kiến thức lịch sử;
- Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát triển.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục tự nghiên cứu, tự học tập, cập nhật kiến thức về lý luận, phương pháp và thực tiễn phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực hành lịch sử.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	100 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Tự chọn:	03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **130** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung: 30 tín chỉ

+ Bắt buộc: 15 tín chỉ

+ Tự chọn: 15 tín chỉ

- Các học phần tiến sĩ: **12** tín chỉ

+ Bắt buộc: 09 tín chỉ

+ Tự chọn: 03 tín chỉ/12 tín chỉ

- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **08** tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		9				
1	HIS8008	Toàn cầu hóa và vấn đề hội nhập trong thế kỉ XXI <i>Globalization and Integration in the 21st Century</i>	3	40	10	100	
2	HIS8205	Mô hình và con đường phát triển của các quốc gia Đông Á	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Models and Development Paths of East Asian Countries</i>					
3	HIS8054	Phong trào cải cách và quá trình hội nhập của châu Á giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX <i>Reform Movements and Integration of Asia in the mid-19th and early 20th Century</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		3/12				
4	HIS8155	Các lý thuyết về quan hệ quốc tế hiện đại <i>Theories of Modern International Relations</i>	3	40	10	100	
5	HIS8086	Đặc điểm địa chính trị thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI <i>Characteristics in the development of Geo-politics in the 20 century and the first decades of the 21st century</i>	3	40	10	100	
6	HIS8007	Đặc điểm phát triển của một số nước lớn nửa sau thế kỉ XX <i>Main characteristics in the development of great powers in the second half of 20th century</i>	3	40	10	100	
7	HIS8018	Giáo dục ở Đông Nam Á thời cận đại <i>Education in Southeast Asia in Modern times</i>	3	40	10	100	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
8	HIS8019	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
9	HIS 8020	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
10	HIS 8021	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
11	HIS8475	Tổng quan về tình hình nghiên cứu	2	0	0	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Overview of Literature</i>					
II.2	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
IV	Luận án		80				
12	HIS9008	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			100				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		15				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	HIS6167	Một số vấn đề cơ bản về lý luận sử học <i>Major Issues of Historiographical Theory</i>	3	40	10	100	
3	HIS6202	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam <i>The Development of Socio-Economic Forms in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
4	HIS6168	Đông Nam Á và quá trình hội nhập của Việt Nam <i>Southeast Asia and the Integration of Vietnam</i>	3	40	10	100	
5	HIS6226	Một số vấn đề lịch sử kinh tế	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		- xã hội phương Đông – so sánh với phương Tây <i>Some Socio-Economic Issues of the Oriental World: In Comparison with the Occidental World</i>					
I.2	Các học phần tự chọn		15/31				
6	HIS6199	Khảo cổ học và/với di sản <i>Archaeology and Heritage</i>	3	40	10	100	
7	HIS6540	Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam – Từ lịch sử đến hiện tại <i>The issues of maritime and territorial boundary and sovereignty of Vietnam: From Past to Present</i>	3	40	10	100	
8	HIS 6553	Tính thống nhất và đa dạng trong văn hóa Việt Nam <i>Unity and Diversity of Vietnamese Culture</i>	3	40	10	100	
9	HIS6227	Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Đặc điểm và xu hướng <i>Contemporary Capitalism: Characteristics and Trends</i>	2	25	10	65	
10	HIS6228	Kinh tế Đông Nam Á thời kỳ thuộc địa: Mô hình và đặc điểm <i>The Economies of Southeast Asia in the Colonial Period</i>	2	25	10	65	
11	HIS6229	Lịch sử phát triển khoa học và công nghệ thế giới <i>The Development of World Sciences and Technologies</i>	2	25	10	65	
12	HIS6230	Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với một số nước châu Á sau năm 1991 <i>The U.S. Foreign Policies Toward Asia since 1991</i>	2	25	10	65	
13	HIS6016	Bang giao, quan hệ thương mại Á - Âu và những biến chuyển kinh tế - xã hội của các quốc gia Đông Á thế kỷ	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		XVI-XVIII <i>Early Modern Asian – European Diplomatic and Commercial Relations and Socio-economic Transformations in East Asia</i>					
14	HIS6231	Hoạt động bang giao của Trung Quốc dưới thời nhà Minh (1368-1644) và nhà Thanh (1644-1911) <i>Foreign Activities of China in the Ming (1368-1644) and Qing Dynasties (1644-1911)</i>	2	25	10	65	
15	HIS6232	Một số vấn đề quốc tế đương đại <i>Major contemporary international issues</i>	2	25	10	65	
16	HIS6233	Đông Á: Lịch sử, Con người và Sinh thái <i>Southeast Asia: History, Human and the Ecology</i>	2	25	10	65	
17	HIS6287	Việt Nam trong các quan hệ khu vực và thế giới giai đoạn Sơ kỳ Cận đại <i>Vietnam in the Regional and International Relations in the Early Modern Period</i>	2	25	10	65	
18	HIS6179	Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh ngoại giao và vận động quốc tế trong 30 năm chiến tranh Cách mạng Việt Nam <i>The Communist Party of Vietnam's Leadership in Diplomatic Front and International Mobilization during the Vietnam Revolutionary War (1945-1975)</i>	2	25	10	65	
19	HIS6185	Kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam <i>Anti-Foreign Invasion in Vietnamese History</i>	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học phần bắt buộc		9				
20	HIS8008	Toàn cầu hóa và vấn đề hội nhập trong thế kỉ XXI <i>Globalization and Integration in the 21st Century</i>	3	40	10	100	
21	HIS8205	Mô hình và con đường phát triển của các quốc gia Đông Á <i>Models and Development Paths of East Asian Countries</i>	3	40	10	100	
22	HIS8054	Phong trào cải cách và quá trình hội nhập của châu Á giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX <i>Reform Movements and Integration of Asia in the mid-19th and early 20th Century</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		3/12				
23	HIS8155	Các lý thuyết về quan hệ quốc tế hiện đại <i>Theories of Modern International Relations</i>	3	40	10	100	
24	HIS8086	Đặc điểm địa chính trị thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI <i>Characteristics in the development of Geo-politics in the 20 century and the first decades of the 21st century</i>	3	40	10	100	
25	HIS8007	Đặc điểm phát triển của một số nước lớn nửa sau thế kỉ XX <i>Main characteristics in the development of great powers in the second half of 20th century</i>	3	40	10	100	
26	HIS8018	Giáo dục ở Đông Nam Á thời cận đại <i>Education in Southeast Asia in Modern times</i>	3	40	10	100	
III	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
27	HIS8019	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
28	HIS8020	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
29	HIS8021	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
30	HIS8475	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
V	Luận án		80				
31	HIS9008	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			130				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá